ĐỀ XUẤT VÀ ỨNG DỤNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VẬN ĐỘNG VIÊN TẠI TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VẬN ĐỘNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Phạm Ngọc Hải*
Nguyễn Hùng Cường**

Tóm tắt:
Kết quả đánh giá thực trạng công tác quản lý VĐV và xác định các nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả công tác quản lý VĐV của Trung tâm Đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh là cơ sở đề xuất 8 giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý VĐV, các giải pháp được kiểm chứng tính khả thi và ứng dụng đã nâng cao hiệu quả công tác quản lý VĐV các đội tuyển thể thao quốc gia tại Trung tâm Đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.
Từ khóa: Thực trạng, nguyên nhân, quản lý VĐV, giải pháp, hiệu quả quả lý, đội tuyển quốc gia, Đại học TDTT Bắc Ninh

Proposal and application of solutions to improving athlete management effectiveness at Athlete Training Centre at Bac Ninh Sports University

Summary:
The evaluation of the real situation of the athlete management and determination of the reasons affecting to the management effectiveness at the Athlete Training Centre at Bac Ninh University of Sports are the basis to put forward 8 solutions on improving athlete management effectiveness. The feasibility and application of the solutions are verified which pays contributions to developing the athlete management effectiveness at Athlete Training Centre at Bac Ninh Sports University.
Keywords: Real situation, reasons, athlete management, solution, management effectiveness, national team, Bac Ninh Sports University

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm qua, công tác quản lý VĐV tại Trung tâm Đào tạo VĐV đã được thực hiện nghiêm túc và có những thành công nhất định, song chưa theo kịp với xu hướng phát triển và hội nhập hiện nay. Những mặt tích cực đạt được như: Kế hoạch huấn luyện năm được các ban huấn luyện xây dựng có sự thống nhất và khoa học; Chỉ tiêu thành tích của mỗi đội tuyển luôn được đảm bảo; Tư tưởng và nhận thức của VĐV biểu hiện tính tích cực trong tập luyện, học tập văn hóa và sinh hoạt… Tuy nhiên, song hành với những ưu điểm đạt được, công tác quản lý VĐV vẫn còn tồn tại nhiều bất cập cần khắc phục đó là: Công tác quản lý hồ sơ dữ liệu chuyên môn VĐV chưa mang tính hệ thống; Cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý chưa hợp lý; HLV chưa chú trọng, quan tâm tới việc giáo dục đạo đức, chính trị tư tưởng cho VĐV; Quản lý VĐV ngoài giờ huấn luyện chưa chặt chẽ; Chế độ khen thưởng chưa kịp thời... đã ảnh hưởng tới chất lượng huấn luyện và hiệu quả đào tạo VĐV. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng công tác quản lý VĐV tại Trung tâm Đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh là rất cần thiết, góp phần nâng cao hiệu công tác quản lý huấn luyện đào tạo VĐV các đội tuyển thể thao quốc gia.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp phỏng vấn; Phương pháp toán học thống kê.

*ThS, Trung tâm Đào tạo VĐV, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh
**TS, Trung tâm Đào tạo VĐV, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý

Qua nghiên cứu cơ sở lý luận, thực trạng công tác quản lý VĐV đề tài đã đề xuất 08 giải pháp gồm: Tăng cường phối hợp quản lý giữa Trung tâm, HLV, gia đình VĐV (1); Phân công nhiệm vụ phù hợp cho đội ngũ cán bộ (2); Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu giải trí, thư giãn VĐV (3); Giám sát chặt hoạt động cung cấp dinh dưỡng của nhà ăn VĐV (4); Vận động xã hội hóa trong việc tập huấn, thi đấu huấn nước ngoài cho VĐV (5); Xây dựng nội dung, quy trình quản lý hồ sơ VĐV(6); Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho VĐV (7); Thực hiện khen thưởng đột xuất, định kỳ kịp thời (8).

Khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của 08 giải pháp đã lựa chọn. Kết quả được trình bày tại tại bảng 1.

Bảng 1. Kết quả khảo nghiệm về tính cần thiết và tính khả thi của các giải pháp đã lựa chọn

TT	Nội dung Giải pháp	Tính cần thiết		Tính khả thi		Hiệu số	
		$\overline{X}$	Xi	$\overline{Y}$	Yi	d= Xi - Yi	d^2
1	Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cho VĐV	2.8	6	2.77	6	0	0
2	Tăng cường cơ sở vật chất, phục vụ giải trí, thư giãn VĐV	2.93	2	2.93	2	0	0
3	Phối hợp quản lý giữa Trung tâm, HLV, gia đình VĐV	2.97	2	2.9	3	-1	1
4	Giám sát chặt hoạt động cung cấp dinh dưỡng của nhà ăn VĐV	2.83	5	2.8	5	0	0
5	Vận động xã hội hóa trong việc tập huấn thi đấu huấn nước ngoài cho VĐV	2.87	4	2.83	4	0	0
6	Phân công nhiệm vụ phù hợp cho đội ngũ cán bộ	3	1	2.97	1	0	0
7	Xây dựng nội dung, quy trình quản lý hồ sơ VĐV	2.77	7	2.63	8	0	0
8	Thực hiện khen thưởng đột xuất, định kỳ kịp thời	2.67	8	2.7	7	1	1

Từ kết quả khảo nghiệm cho thấy cả 8 giải pháp đều thể hiện tính cần thiết và tính khả thi, các giải pháp có quan hệ chặt chẽ với nhau. Mối tương quan giữa tính cấp thiết và tính khả thi của các giải pháp đã thể hiện rất rõ các giải pháp được lựa chọn có sự tương ứng về chỉ số giữa 2 cấp độ, đó là tính cần thiết, tính khả thi của các giải pháp.

2. Ứng dụng, đánh giá hiệu quả các giải pháp trong thực tiễn công tác quản lý

Nhằm đánh giá hiệu quả các giải pháp được đề xuất trong thực tiễn công tác quản lý VĐV, đề tài đã áp dụng đồng bộ cả 8 giải pháp vào thực tiễn. Kết quả sau 8 tháng thực nghiệm đánh giá thông qua số lượng huy chương và kết quả đạt được của từng giải pháp, được trình bày trong bảng 2 và 3.

Kết quả đạt được trong công tác quản lý VĐV của Trung tâm Đào tạo VĐV bước đầu đã chứng minh tính hiệu quả của các giải pháp mang lại trong công tác quản lý VĐV:

- Số lượng huy chương tính đến tháng 10 năm 2016 đạt 153 huy chương các loại, trong đó có 37 huy chương quốc tế, 45 HCV, 48 HCB, 60 HCĐ. Số huy chương đạt được trong 10 tháng đầu năm đã đạt chỉ tiêu mà Ban huấn luyện các đội tuyển và Trung tâm Đào tạo VĐV đề ra trong kế hoạch huấn luyện, công tác năm.
- Số lượng VĐV được triệu tập lên tuyến trên (thời điểm sau thực nghiệm) tăng từ 11VĐV lên thành 15 VĐV (ăng 04 VĐV so với năm trước).
- Số VĐV bỏ học giảm rõ rệt từ 113 trường hợp xuống chỉ còn 25 trường hợp.

Bảng 2. Số lượng huy chương VĐV đạt được năm 2013 - 2016

TT	Năm	Thành tích đạt được			
		Tổng số HC	HCV	HCB	HCĐ
1	Năm 2013	182	70	43	69
2	Năm 2014	168	53	60	65
3	Năm 2015	178	44	50	84
4	Đến tháng 10/2016	153	45	48	60
	Số HC quốc tế là: 37 Huy chương các loại, trong đó có 01 HCĐ giải Vô địch Điền kinh trẻ châu Á 2016 (6 đội tuyển chưa tham gia đấu giải QG)				

Bảng 3. Kết quả so sánh một số hoạt động trước và sau thực nghiệm của các giải pháp

TT	Hoạt động	Trước thực nghiệm	Sau thực nghiệm
1	Tập huấn nước ngoài bằng nguồn kinh phí xã hội hóa (số VĐV)	5	31
2	Số VĐV được lên tuyến trên	11	15
3	Số VĐV được khen thưởng đột xuất	0	17
4	Số VĐV được khen định kỳ	17	35
5	Số lần VĐV bỏ học văn hóa (lần)	113	25
6	Nội dung và quy trình quản lý hồ sơ VĐV (quy trình ISO)	0	1
7	Xây dựng phòng đọc sách, giải trí (phòng)	0	1
8	Phân tổ quản lý chuyên trách chuyên môn (tổ)	0	4
9	Quy định phối hợp quản lý VĐV, nhà ăn (văn bản)	0	1
10	VĐV đạt đẳng cấp kiện tướng (số VĐV)	14	22

- Số VĐV đạt đẳng cấp kiện tướng tăng từ 14 VĐV lên 22 VĐV (tăng 08 VĐV).

- Xây dựng được 01 phòng đọc sách giải trí cho các VĐV tại nhà 7 tầng với gần 300 đầu sách và tài liệu tham khảo hữu ích.

- Nội dung và quy trình quản lý hồ sơ huấn luyện VĐV đã được đổi mới, đảm bảo đầy đủ và thống nhất thông tin về VĐV.

- Công tác khen thưởng đột xuất và định kỳ đã được trú trọng thực hiện kịp thời, góp phần khích lệ và động viên tinh thần VĐV.

- Số VĐV được tập huấn và thi đấu nước ngoài bằng nguồn kinh phí xã hội hóa tăng đáng kể từ 5 lên 31 người. Kết quả này cũng đồng thời làm giảm đáng kể ngân sách nhà nước chi cho công tác tập huấn và thi đấu dã ngoại của các đội tuyển, nâng cao chất lượng chuyên môn do được tăng cường cọ sát thi đấu, học tập kinh nghiệm.

- Công tác quản lý, giám sát hoạt động của nhà ăn được thực hiện thường xuyên, có sự phối hợp giữa cán bộ, HLV và quản lý nhà ăn. Chất lượng bữa ăn và chất lượng phục vụ đã có sự biến chuyển tích cực. Chất lượng bữa ăn được kiểm tra từ đầu vào và lấy ý kiến đánh giá từ VĐV vào sổ ghi chép hàng ngày.

- Trung tâm Đào tạo VĐV đã bố trí, cơ cấu lại nhiệm vụ đội ngũ cán bộ trong thực hiện nhiệm vụ. Phân tổ quản lý chuyên môn về: Công tác văn phòng; Tài chính; Quản lý nội vụ, học tập văn hóa; Tổ kiểm tra bếp ăn của VĐV. Phân công nhiệm vụ cụ thể và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với mỗi cán bộ trong đơn vị theo định kỳ hàng tháng.

- Tăng cường phối hợp trực ban, kiểm tra nề nếp, quản lý sinh hoạt ngoài giờ huấn luyện giữa Cán bộ quản lý VĐV và Ban huấn luyện các đội tuyển. Xây dựng nề nếp sinh hoạt, học tập chuẩn mực cho các VĐV.

KẾT LUẬN

Thực trạng công tác quản lý VĐV tại Trung tâm Đào tạo VĐV trường Đại học TDTT đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, công

tác tổ chức quản lý VĐV được mới đảm bảo về hình thức quản lý, chưa đi sâu triển khai thực hiện triệt để nội dung trọng tâm dẫn đến hiệu quả còn hạn chế như: Phân công nhiệm vụ cho cán bộ chưa hợp lý; Sự phối hợp quản lý giữa các bộ phận quản lý VĐV chưa chặt chẽ; Nhận thức về vai trò, tầm quan trọng về công tác quản lý sinh hoạt, học văn hóa, giáo dục chính trị tư tưởng cho VĐV của một bộ phận cán bộ, HLV chưa được chú trọng đúng mức; Cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu giải trí của VĐV chậm được đầu tư, thiếu tính đa dạng; Quản lý giám sát hoạt động của nhà ăn VĐV còn lỏng nẻo; Quy trình quản lý hồ sơ huấn luyện của VĐV chưa thống nhất; Số lượng biên chế cán bộ, HLV đông nhưng chưa phát huy được hiệu quả công tác do bố trí, phân công nhiệm vụ chưa hợp lý.

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và đánh giá thực tiễn đề tài đã đề xuất, kiểm nghiệm tính thực tiễn và tính khả thi 08 giải pháp gồm: Tăng cường phối hợp quản lý giữa Trung tâm, HLV, gia đình VĐV (1); Phân công công việc phù hợp cho đội ngũ cán bộ (2); Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nhu cầu giải trí, thư giãn cho VĐV (3); Giám sát chặt chẽ hoạt động cung cấp dinh dưỡng của nhà ăn VĐV (4); Vận động xã hội hóa tập huấn, thi đấu nước ngoài cho VĐV (5); Xây dựng nội dung, quy trình quản lý hồ sơ VĐV(6); Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức VĐV (7); Thực hiện kịp thời khen thưởng đột xuất, định kỳ (8).

Kết quả ứng dụng 08 tháng giải pháp quản lý tại Trung tâm Đào tạo VĐV đã đạt hiệu quả rõ rệt: Thành tích thi đấu của VĐV ổn định; Số VĐV được gọi tập trung lên tuyển tăng; Số VĐV bỏ học văn hóa giảm rõ rệt; Nội dung và quy trình quản lý hồ sơ VĐV đảm bảo thống nhất, khoa học; Khen thưởng định kỳ và đột xuất thực hiện kịp thời; Số VĐV, HLV đi tập huấn thi đấu nước ngoài tăng mạnh; Phân công nhiệm vụ cho cán bộ, HLV tại Trung tâm Đào tạo VĐV hợp lý và phát huy hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đình Bẩm, Trần Tuấn Hiếu (2008), *Quản lý TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Dương Nghiệp Chí (1991), *Đo lường thể thao,* Nxb TDTT, Hà Nội.

3.Chiến lược phát triển thể dục thể thao Việt Nam đến năm 2020 (Ban hành theo Quyết định số 2198/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

4. GS.TS Nguyễn Đại Dương (2015), Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo Đại học của trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

5.Quyết định số 890/QĐ- ĐH TTBN, Ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đào tạo Vận động viên.

6. Quyết định số 1377/QĐ - UB TDTT năm 1994, Ban hành quy chế quản lý đội tuyển thể thao quốc gia.

7. Quyết định của Tổng cục TDTT về việc tập huấn các đội tuyển thể thao Bóng bàn, Bắn súng, Cầu lông, Cầu mây, Cử tạ, Điền kinh, Pencak Silat năm 2015, 2016.

8. Hồ sơ huấn luyện tuyển trẻ Quốc gia lưu tại Trung tâm đào tạo VĐV Trường ĐH TDTT Bắc Ninh; 2013 - 2015

9. Báo cáo năm 2014 của Trung tâm đào tạo VĐV Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

10. Báo cáo năm 2015 của Trung tâm đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

11. Báo cáo 9 tháng đầu năm 2016 của Trung tâm đào tạo VĐV trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

12. Trường đại học TDTT Bắc Ninh (2011), Tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.

13. Nabatnhicova M. Ia (1985), *Quản lý đào tạo vận động viên trẻ,* (dịch: Phạm Trọng Thanh), Nxb TDTT, Hà Nội.

14.Nguyễn Toán (1989), *Cơ sở lý luận và phương pháp đào tạo vận động viên,* Nxb TDTT, Hà Nội.

15. Kế hoạch HL đội tuyển Bóng bàn, Cầu mây, Bắn súng, Pencak Silat, Bóng bàn, Điền kinh, Cầu lông các năm 2014, 2015, 2016.

16. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT - BVHTTDL - BNV ngày 17/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ ban hành quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành Thể dục thể thao.

17. Trung tâm Đào tạo VĐV (2006), Nội quy quản lý VĐV.

Bài nộp ngày 8/11/2016, phản biện ngày 13/11/2016, duyệt in ngày 5/12/2016